

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2021/HS-ST**
Ngày: 30-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1- Từ Anh X, sinh năm 1993 tại An Minh, Kiên Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê (tài xế); trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Từ Văn C và bà Nguyễn Thị Nh; vợ là Lại Thị Đ và có 02 người con, sinh năm 2010 và sinh năm 2017; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2020, đến ngày 27/8/2021 thì được bảo lãnh; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2- Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 tại U Minh Thượng, Kiên Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 2/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ là Đỗ Thị Kim Y và có 01 người con sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (có mặt).

3- Nguyễn Văn N2, sinh năm 1987 tại U Minh Thượng, Kiên Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp X L, xã T Y A, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị hại*: Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1999. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người làm chứng*:

+ Lê Trường G, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

+ Lại Thị Đ, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

+ Nhan Minh C1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: K P 3, T T T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/5/2020, Nguyễn Văn N2 đến nhà của anh ruột là Nguyễn Văn D thuộc ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang chơi. Tại đây N2, D cùng với em rể là Nhan Minh C1 có tổ chức uống bia. Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, N2 và C1 đi về, còn D đi đến tiệm tạp hóa của chị Lại Thị Đ để mua mì, D đứng ở ngoài gọi lớn tiếng, lúc này Từ Anh X (chồng của chị Đ) đã uống rượu say và nằm trong nhà nghe thấy nên bực tức đi ra cự cãi rồi dẫn đến đánh nhau với D. X lấy cây lau nhà đánh trúng lên vai D 01 cái thì được chị Đ can ngăn và kêu D đi về. D đi về nhà thì gọi điện cho N2 và C1 nói bị X đánh. Sau đó, N2 quay lại gặp D và cùng đi đến nhà X, khi đi D mang theo 02 thanh kim loại vuông, D đưa cho N2 01 thanh kim loại nhưng N2 không lấy. Khi cả hai đến nhà của X thì C1 cũng vừa đến, lúc này X cũng mới từ nhà ngoại của X về tới. Hai bên xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau, X bị N2 đâm trúng một cái vào mặt nên bỏ chạy vào nhà, D, N2 đứng bên ngoài tiếp tục chửi X, chị Đ can ngăn kêu N2 và D về nhưng không được. Lúc này, Nguyễn Hoàng L là em bà con của X hay tin nên điều khiển xe mô tô chở theo Lê Trường G đi đến. Khi G và L vừa

tới nơi hỏi chuyện gì thì N2 và D xông vào đánh nhau với L, N2 đánh bằng tay, D thì cầm thanh kim loại kích thước 77cm x 1,4cm x 01cm đánh theo hướng từ trên xuống trúng vào lưng, vai của L nhiều cái, L đưa tay lên ôm đầu thì bị D dùng thanh kim loại đánh trúng vào mu bàn tay trái. Thấy L bị đánh, X lấy cây dao lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ từ trong nhà chạy ra chém trúng vào cổ tay và khuỷu tay trái của N2 làm N2 bị thương chảy nhiều máu, thì được D chở về nhà băng bó vết thương rồi tiếp tục chở đi bệnh viện. Trên đường đi D và N2 bị một nhóm người dùng tàu dừa, nhánh cây chặn đường phải dừng xe lại, lúc này có một thanh niên dùng cây đánh trúng vào vai và dùng vật sắc bén chém trúng vào đuôi mắt trái của N2 01 cái. Sau đó, D tiếp tục chở N2 đến bệnh viện điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 351/TgT ngày 10/7/2020, kết luận thương tích của Nguyễn Văn N2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng đuôi mắt - cung mày trái (mặt trái) vùng khuỷu tay trái, vùng cổ tay trái và sẹo phẫu thuật.

- Gãy xương móm khuỷu tay trái, đã được phẫu thuật kết hợp xương. Hiện còn dụng cụ kết hợp xương, tổn thương hoàn toàn thần kinh trụ bên trái, gây hạn chế chức năng vận động khớp khuỷu tay và ngón IV, V bàn tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng đuôi mắt - cung mày trái (mặt trái) là: 03% (Ba phần trăm).

- Vùng khuỷu tay trái là: 50% (Năm mươi phần trăm).

- Vùng cổ tay trái là: 01% (Một phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên hiện tại là: 52% (Năm mươi hai phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Vật có cạnh sắc; Vật chứng (cây dao) gửi đi giám định gây được các thương tích trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 436/TgT ngày 24/8/2020, kết luận thương tích của Nguyễn Hoàng L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy xương bàn ngón IV bàn tay trái. Hiện tại xương chưa liền.

- Hiện tại vùng lưng, vai phải, vai trái và cánh tay phải không có dấu vết thương tích.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại ở:

- Bàn tay trái là 06% (Sáu phần trăm).

- Vùng lưng phải là 00% (Không phần trăm).
- Vùng vai phải là 00% (Không phần trăm).
- Vùng vai trái là 00% (Không phần trăm).
- Vùng cánh tay phải là 00% (Không phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên là 06% (Sáu phần trăm).

4. Vật gây thương tích:

- Thương tích bàn tay trái (Gãy xương bàn ngón IV) do vật tày gây nên; Vật chứng (đoạn kim loại) gửi giám định gây được thương tích này.

Tại Cơ quan điều tra Từ Anh X thừa nhận hành vi dùng dao chém gây thương tích cho Nguyễn Văn N2. Nguyễn Văn D thừa nhận dùng thanh kim loại, Nguyễn Văn N2 thừa nhận dùng tay cùng đánh gây thương tích cho Nguyễn Hoàng L.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) cây dao cán gỗ dài 14cm, phần lưỡi 25cm, bản rộng 06 cm, mũi bằng, là hung khí Từ Anh X dùng để chém gây thương tích cho Nguyễn Văn N2; 01 (Một) thanh kim loại vuông, dạng hình trụ, lòng rỗng, có nhiều chỗ rỉ sét, kích thước 77cm x 1,4cm x 01cm, là hung khí Nguyễn Văn D dùng để đánh gây thương tích cho Nguyễn Hoàng L.

Về trách nhiệm dân sự, Nguyễn Văn N2 yêu cầu Từ Anh X bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích với số tiền là 47.000.000 đồng. X đồng ý bồi thường và gia đình X đã bồi thường được số tiền 23.000.000 đồng, phần còn lại sẽ tiếp tục bồi thường sau.

Nguyễn Hoàng L yêu cầu Nguyễn Văn D bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích với số tiền là 20.000.000 đồng, D chỉ đồng ý bồi thường tổng số tiền 6.000.00 đồng, bồi thường trước số tiền 1.500.000 đồng, phần còn lại yêu cầu xem xét giải quyết tại tòa.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS-AM ngày 14-5-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Từ Anh X về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn N2 về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận bị cáo X, D, N2 phạm tội Cố ý gây thương tích và đề nghị:

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo X từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Đối với Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Văn D do bị hại đã rút yêu cầu khởi tố nên đề nghị đình chỉ giải quyết;

Về trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận xong; về vật chứng tịch thu theo quy định.

- *Bị cáo X trình bày*: thừa nhận hành vi vi phạm như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát; không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo X trình bày rất hối hận, ăn năn; đã bị tạm giam gần một năm nên đã hiểu được sai trái, hứa sẽ không vi phạm nữa và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để lo cho gia đình.

- *Bị hại Nguyễn Hoàng L*: xác định rút yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo D và bị cáo N2. Trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận xong.

- *Nguyễn Văn D*: xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo X vì gia đình bị cáo có khó khăn và các bên đã thỏa thuận bồi thường xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn N2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng Lê Trường G, Nhan Minh C1 vắng mặt nhưng đã có lời khai ở cơ quan điều tra. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo N2, người làm chứng anh G, anh C1.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo X, D khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thẩm tra. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 01/5/2020, tại ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, do bị cáo Từ Anh X có mâu thuẫn với bị cáo Nguyễn Văn D trong việc D đến tiệm tạp hóa của gia đình mua mì và gọi lớn tiếng dẫn đến đánh nhau và sau đó một lúc X thấy D cùng anh ruột là bị cáo Nguyễn Văn N2 đánh em bà con của mình là Nguyễn Hoàng L, nên Từ Anh X lấy 01 cây dao cán gỗ dài 14cm, phần lưỡi 25cm, bản rộng 06 cm, mũi bằng chạy ra chém trúng vào cổ tay và khuỷu tay trái của N2 gây tổn hại sức khỏe 52%. Bị cáo N2 dùng tay, bị cáo D cầm thanh kim loại kích thước 77cm x 1,4cm x 01cm đánh trúng vào mu bàn tay trái của L gây tổn hại sức khỏe 06%.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo X đã dùng dao, bị cáo D dùng thanh kim loại vuông, các công cụ này được xác định là hung khí nguy hiểm. Tổn thương cơ thể của N2 do X gây ra là 52%; tổn thương cơ thể của bị hại L do D gây ra là 6%. Bị cáo N2 tuy không trực tiếp dùng hung khí nhưng đã cùng phạm tội với D nên là đồng phạm và phải chịu trách nhiệm về hậu quả do đồng phạm N2 đã gây ra. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo Từ Anh X về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn N2 về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Bị hại Nguyễn Hoàng L có đơn rút yêu cầu khởi tố và tại phiên tòa xác định là rút yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Văn D. Xét thấy việc rút yêu cầu của bị hại L là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận. Do bị cáo N2 và bị cáo D bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình nhưng bị hại đã rút yêu cầu khởi tố nên HĐXX cần đình chỉ vụ án đối với bị cáo N2 và bị cáo D theo quy định tại khoản 2 Điều 155, Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo X đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ra tổn hại về sức khỏe cho bị hại và gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn cá nhân mà bị cáo đã có hành vi dùng hung khí gây

thương tích cho bị hại nên cần phải xử phạt nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi bị khởi tố, điều tra về hành vi phạm tội và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có người thân thích là người có công cách mạng; xét về quá trình đánh nhau thì bị cáo có lỗi từ đầu nhưng xét lúc bị cáo dùng dao chém bị hại N2 là do thấy bị hại N2 đánh anh L là người thân của bị cáo nên được coi là bị hại cũng có lỗi. HĐXX xác định bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy tội phạm bị cáo X đã thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn. Do bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố và xét xử là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo.

HĐXX nhận thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có nhân thân tốt. Thể hiện ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị tạm giam với thời gian gần 12 tháng đã được giáo dục và nhận thức được lỗi lầm gây ra nên đủ khả năng tự cải tạo; bị hại tha thiết xin giảm nhẹ cho bị cáo nên việc không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tập trung là không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Qua phân tích, cân nhắc HĐXX thống nhất áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Về vật chứng, đối với các công cụ đã thu giữ xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận và tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[10] Về án phí, bị cáo X phải chịu án phí theo quy định. Bị hại L phải chịu án phí do khởi tố theo yêu cầu bị hại nhưng rút đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: bị cáo Từ Anh X phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Từ Anh X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 30-9-2021).

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2- Căn cứ các điều 282, 299 và 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ (một phần) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

+ Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 tại U Minh Thượng, Kiên Giang; Nghề nghiệp làm ruộng; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, Kiên Giang.

+ Nguyễn Văn N2, sinh năm 1987 tại U Minh Thượng, Kiên Giang; Nghề nghiệp làm ruộng; Nơi cư trú: ấp X L, xã T Y A, huyện An Minh, Kiên Giang, Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ H B, huyện An Minh, Kiên Giang.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh truy tố về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

3- Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bên đã tự thỏa thuận, tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm nên không xét.

4- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (Một) cây dao cán gỗ dài 14cm, phần lưỡi 25cm, bản rộng 06 cm, mũi bằng; 01 (Một) thanh kim loại vuông, dạng hình trụ, lòng rỗng, có nhiều chỗ rỉ sét, kích thước 77cm x 1,4cm x 01cm. (Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh đang quản lý theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 16/QĐ-VKS-AM ngày 14-5-2021 của VKSND huyện An Minh).

5- Về án phí, căn cứ khoản 2 và 3 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Từ Anh X và bị hại Nguyễn Hoàng L, mỗi người chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6- Bị cáo X, D và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30-9-2021).

Bị cáo N2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ/.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; BH;
- Sở TP tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- UBND X. Đ H B, AM, KG;
- UBND X. T Y A, UMT, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công